

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/DS-ST

Ngày: 22-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Liêm;

2. Bà Vương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2018/TLST-DS ngày 11/7/2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST-DS ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lý Thanh H, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1981; cùng hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Hữu D, sinh ngày 30/4/1999; hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông T có mặt; bị đơn ông H và bà B được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D có yêu cầu không tham gia tố tụng và xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:***

Ông T với vợ chồng ông H và bà B có mối quan hệ quan biết. Ngày 09/01/2018, ông H và bà B có đến nhà hỏi vay ông T số tiền 200.000.000 đồng và được ông T đồng ý, việc vay tiền hai bên có lập giấy tay và có ký tên xác nhận. Ông H và bà B tự nguyện thế chấp cho ông T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04841 do UBND huyện D cấp ngày 02/01/2018 cho ông H đứng tên, đối với thửa đất số 299, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại thị trấn D, huyện D. Hai bên thỏa thuận trong vòng 06 tháng (tức đến ngày 09/7/2018) thì ông H và bà B sẽ thanh toán lại hết số tiền trên cho ông T. Đến ngày 26/4/2018, ông H và bà B tiếp tục hỏi vay của ông T thêm số tiền 50.000.000 đồng và cam kết đến ngày 10/5/2018 sẽ trả lại cho ông T, việc vay tiền hai bên có lập giấy tay và có ký tên, lăn tay xác nhận. Qua hai lần vay tiền, tổng số tiền ông T cho vợ chồng ông H và bà B vay là 250.000.000 đồng. Đến thời hạn thanh toán, do ông H và bà B không thanh toán cho ông T theo thỏa thuận nên ông T đã khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ngày 07/9/2018, ông T yêu cầu giám định chữ ký tên “H”, chữ viết họ tên “Lý Thanh H”, chữ ký tên “B”, chữ viết họ tên “Huỳnh Nguyễn Thị Bé B” và dấu vân tay của ông H và bà B tại 02 “giấy mượn tiền” ngày 09/01/2018 và ngày 26/4/2018. Tại kết luận giám định số 293/GĐ-PC09 ngày 18/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay trên tài liệu cần giám định “giấy mượn tiền” vào ngày 09/01/2018 và ngày 26/4/2018 so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay trên tài liệu mẫu là do ông H và bà B ký và in ra. Ông T đồng ý và yêu cầu Tòa án sử dụng kết luận giám định nêu trên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2018, ông T yêu cầu ông H và bà B phải thanh toán tổng số tiền 257.200.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 7.200.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp đối với số tiền lãi 7.200.000 đồng, ông T chỉ yêu cầu ông H và bà B có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc đã vay là 250.000.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04841 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp ngày 02/01/2018 cho ông Lý Thanh H thì hiện ông T đang là người giữ bản chính. Ông T đồng ý giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông H và bà B khi vợ chồng ông H và bà B thanh toán xong số tiền 250.000.000 đồng.

Chứng cứ ông T cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, bản photo giấy mượn tiền ngày 09/01/2018 và ngày 26/4/2018, bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04841 ngày 02/01/2018, bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đối với giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CH04841 ngày 02/01/2018 cho ông H; bản tự khai ngày 10/7/2018.

*** Bị đơn ông H và bà B:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, tài liệu chứng cứ ông T cung cấp và Tòa án đã thu thập được để bị đơn ông H và bà B biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng ông H và bà B cố tình vắng mặt không lý do nên không thu thập được ý kiến.

*** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu D có ý kiến:**

Anh D có quan hệ là cháu họ của ông T, hiện nay ông D có chung hộ khẩu và cư trú cùng nhà với ông T.

Đối với “giấy mượn tiền” đề ngày 26/4/2018, anh D xác định: Trên “giấy mượn tiền” ngày 26/4/2018 giữa ông T với ông H và bà B thì có tên anh D tại mục người cho mượn tiền. Tuy nhiên, “giấy mượn tiền” nói trên là mẫu đánh máy sẵn nên có cả tên ông T và anh D, khi ai vay tiền thì ông T sẽ chỉ việc ghi tên của người vay tiền vào giấy. Ngày 26/4/2018, khi ông T cho ông H và bà B vay tiền anh D không có mặt cũng không ký tên vào giấy. Mặt khác, số tiền 50.000.000 đồng ông T cho ông H và bà B vay là tiền riêng của ông T, không liên quan gì đối với anh D. Anh D yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T có mặt, bị đơn ông H và bà B được Tòa án hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D có yêu cầu không tham gia tố tụng. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H, bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông T có mặt; bị ông H và bà B được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D có yêu cầu không tham gia tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông H và bà B thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông H và bà B vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, ông T yêu cầu ông H và bà B có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay theo 02 “giấy mượn tiền” đề ngày 09/01/2018 và ngày 26/4/2018. Quá trình tố tụng, xác định bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, ông T yêu cầu ông H và bà B phải thanh toán tổng số tiền 257.200.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện không tranh chấp đối với số tiền lãi 7.200.000 đồng, ông T chỉ yêu cầu ông H và bà B có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền gốc đã vay là 250.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện của ông T và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 5, 71, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T: Ông T yêu cầu ông H và bà B thanh toán tổng số tiền vay gốc 250.000.000 đồng, chứng cứ ông T cung cấp là 02 “giấy mượn tiền” vào ngày 09/01/2018 và ngày 26/4/2018. Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ông T đã có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay của ông H và bà B trên 02 “giấy mượn tiền” để làm cơ sở giải quyết vụ án. Tại kết luận giám định số 293/GĐ-PC09 ngày 18/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay trên tài liệu cần giám định “giấy mượn tiền” ngày 09/01/2018 và ngày 26/4/2018 so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay trên tài liệu mẫu là do ông H và bà B ký và in ra. Như vậy, có cơ sở khẳng định ngày 09/01/2018, ông H và bà B có vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng và đến ngày 26/4/2018 ông H và bà B tiếp tục vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng. Đến thời hạn thanh toán, ông H và bà B không trả số tiền 250.000.000 đồng cho ông T là vi phạm quy định về hợp đồng vay tài sản, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông T khởi kiện ông H và bà B về việc yêu cầu thanh toán số tiền 250.000.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Để đảm bảo việc vay tiền, ông H và bà B có giao cho ông T 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04841 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp ngày 02/01/2018 cho ông Lý Thanh H đứng tên. Tại phiên tòa, ông T đồng ý giao trả lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông H và bà B, đây là sự tự nguyện của ông T và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như niêm yết công khai các văn bản tố tụng, công khai các tài liệu chứng cứ ông T cung cấp và Tòa án thu thập được để bị đơn ông H và bà B biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng ông H và bà B vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến nên ông H và bà B phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định.

[7] Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D không tranh chấp đối với việc vay tài sản là tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông H và bà B theo yêu cầu của ông T là 4.170.000 đồng và ông T đã tạm ứng xong. Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông H và bà B phải nộp lại số tiền 4.170.000 đồng để hoàn trả cho ông T.

[10] Về án phí: Ông H và bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 217, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với ông Lý Thanh H và bà Huỳnh Nguyễn Thị Bé B về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Lý Thanh H và bà Huỳnh Nguyễn Thị Bé B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà B không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông H và bà B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với ông Lý Thanh H và bà Huỳnh Nguyễn Thị Bé B về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với số tiền lãi 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Buộc ông Nguyễn Hữu T giao trả cho ông Lý Thanh H và bà Huỳnh Nguyễn Thị Bé B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04841 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp ngày 02/01/2018 cho ông Lý Thanh H đứng tên, đối với thửa đất số 299, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lý Thanh H và bà Huỳnh Nguyễn Thị Bé B phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay là 4.170.000 đồng (bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Do ông T đã nộp tạm ứng xong nên ông H và bà B phải nộp 4.170.000 đồng (bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho ông T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Lý Thanh H và bà Huỳnh Nguyễn Thị Bé B phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

5.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.430.000 đồng (sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0012088 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/11/2018).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng

